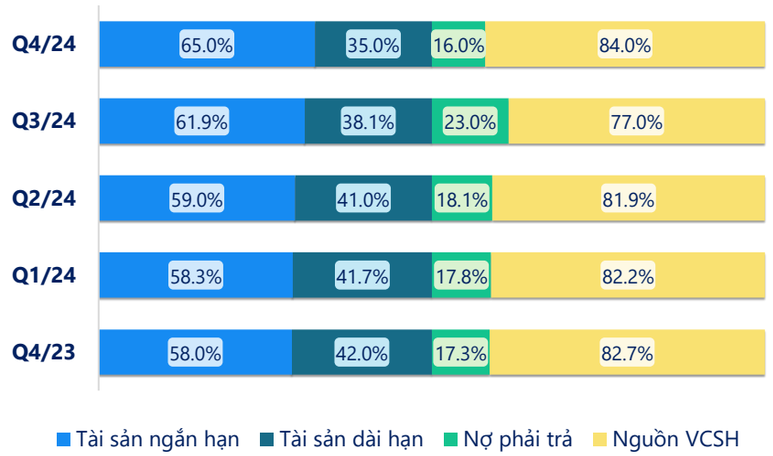
CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (UPCOM: KVC)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	1,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
SL cổ phiếu LH	49,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	678,840
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	79
P/E	22.2
EPS	72

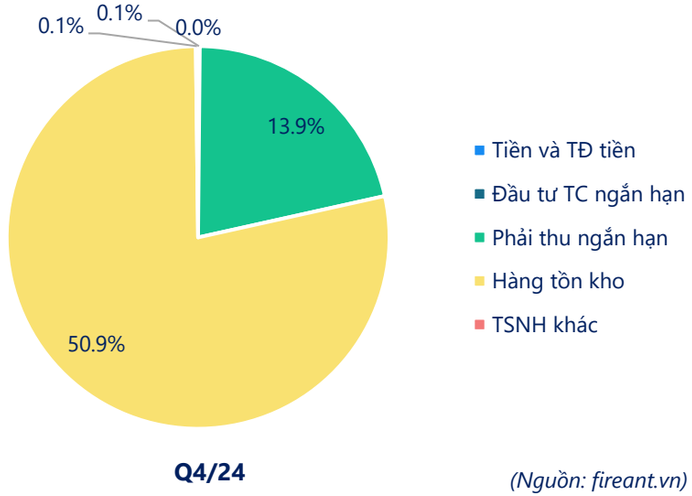
	YTD	1T	3T	6T
KVC	14.3%	6.7%	-23.8%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



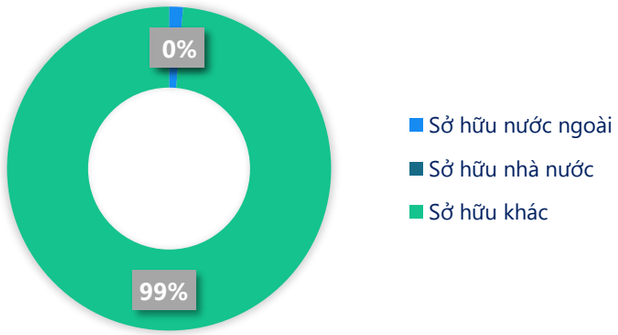
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



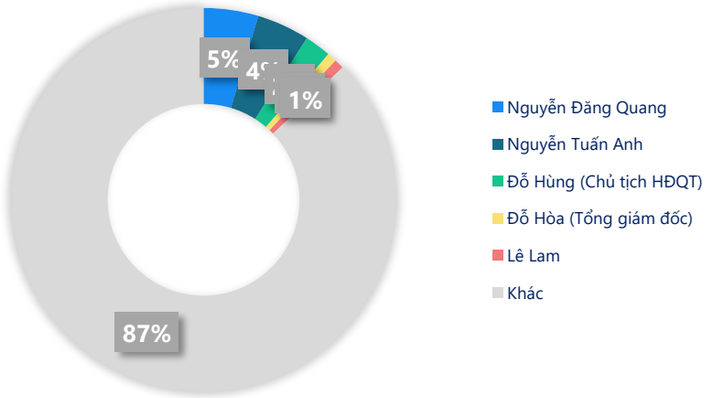
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



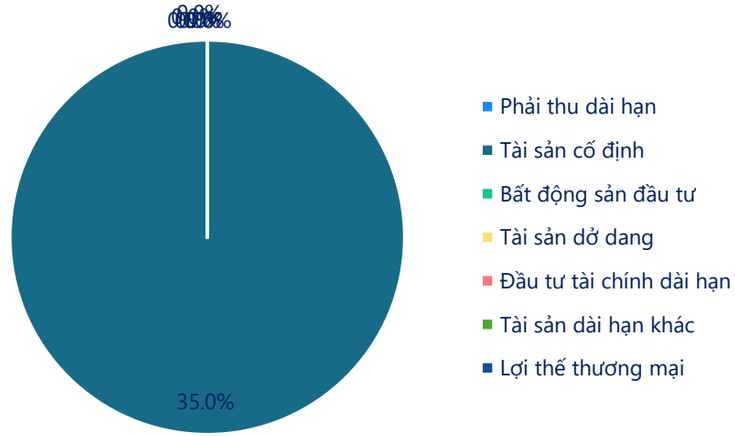
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

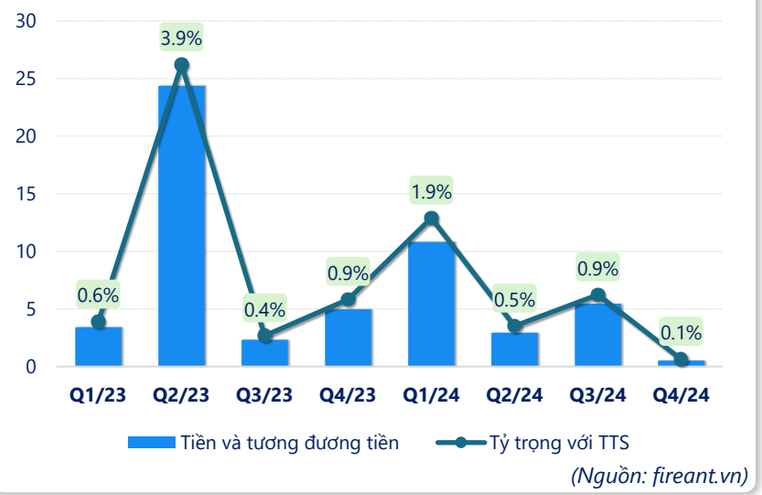


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

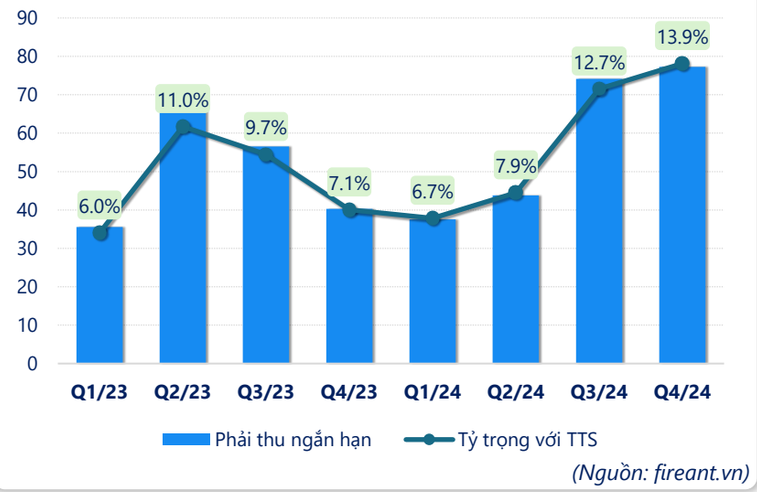
CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (UPCOM: KVC)

Tiền và tương đương tiền



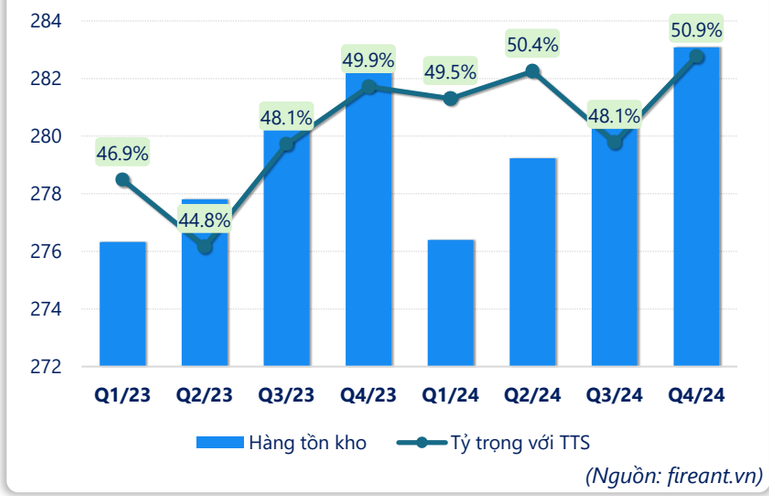
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



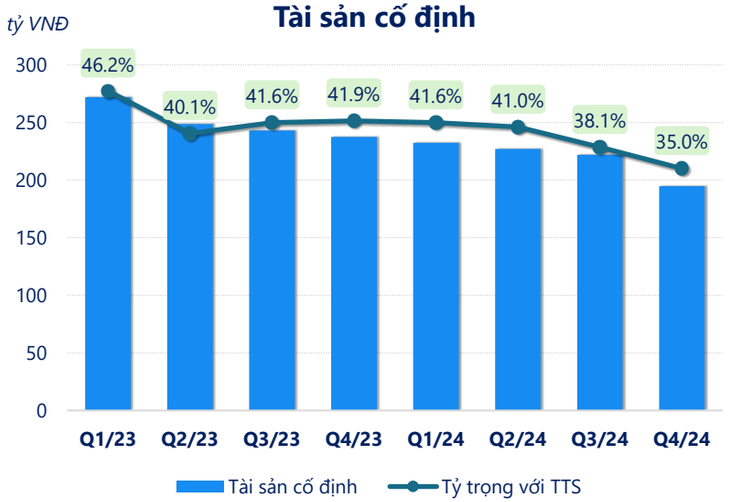
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



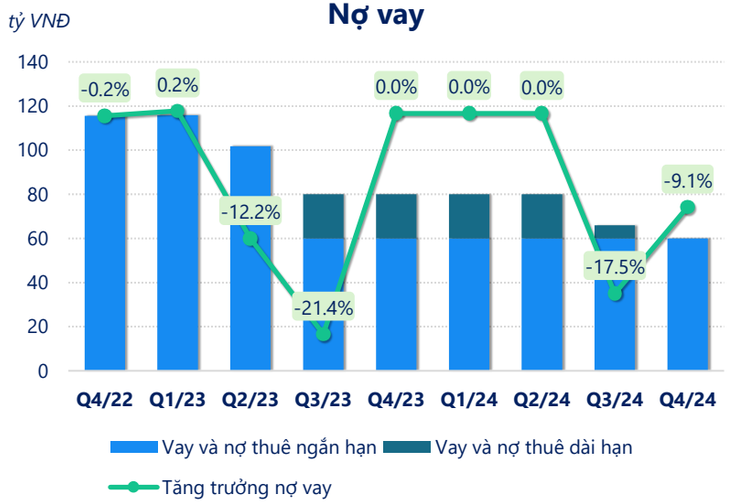
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



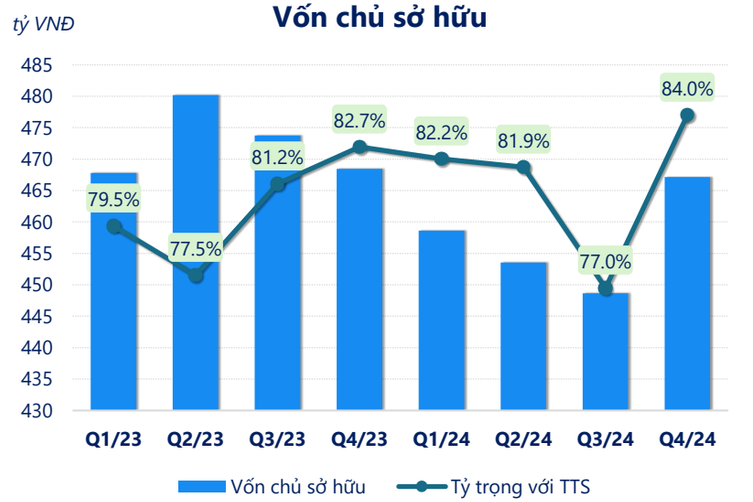
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

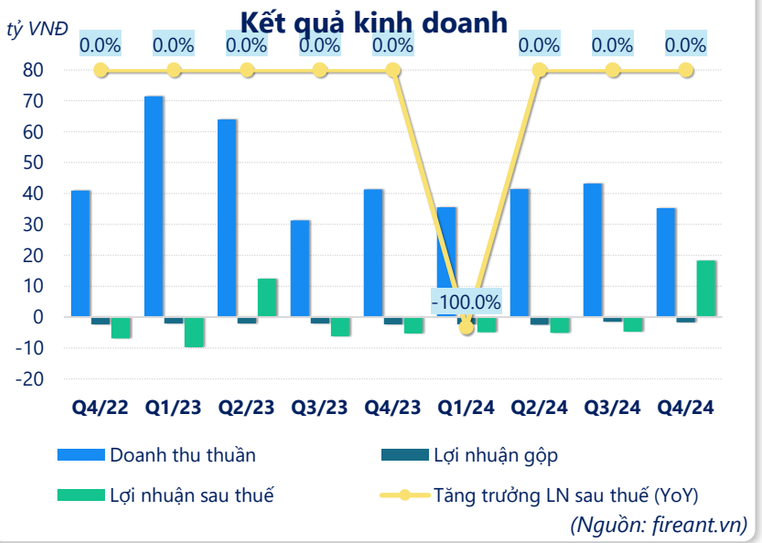


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

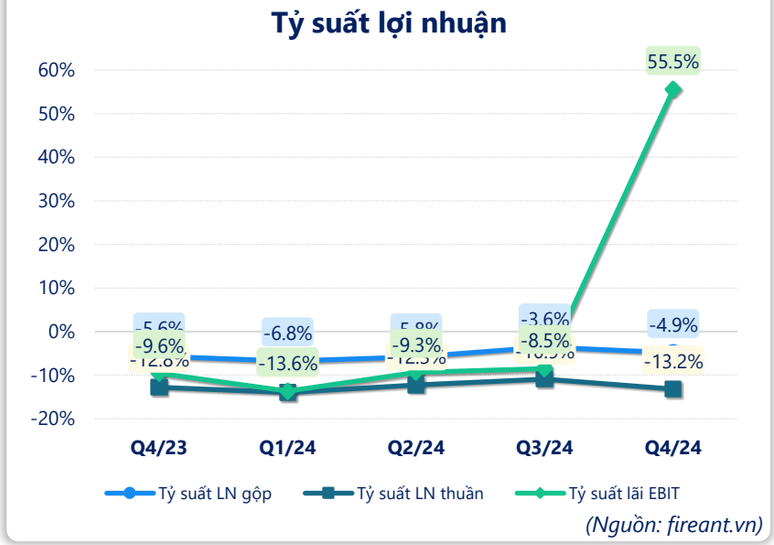
CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (UPCOM: KVC)

Kết quả kinh doanh



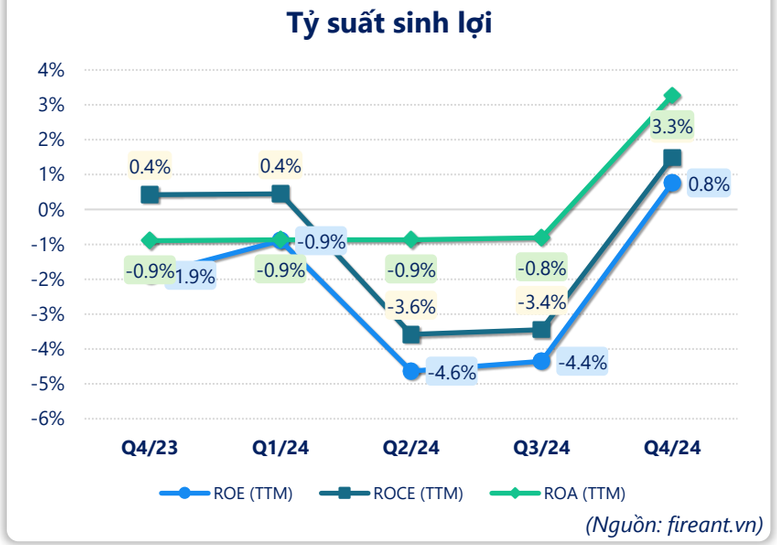
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



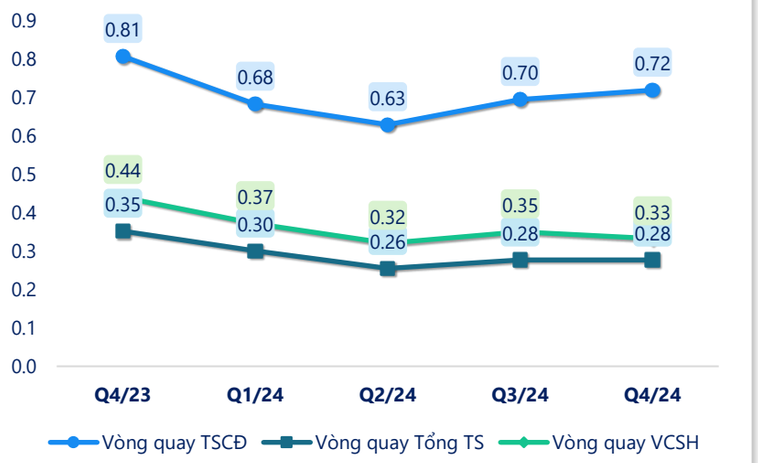
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



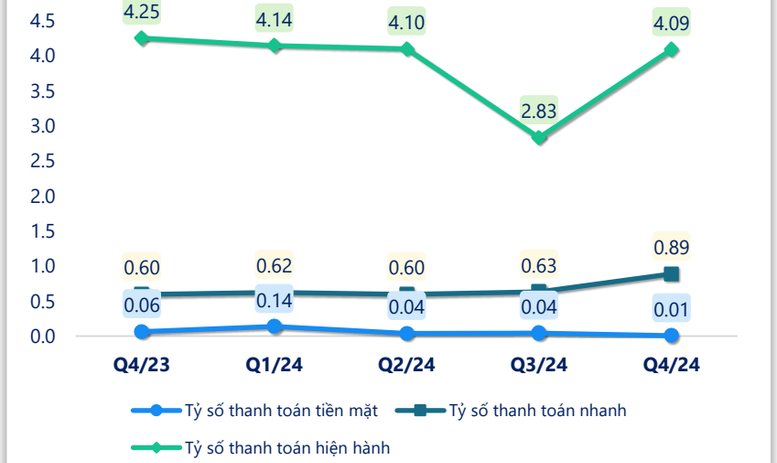
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



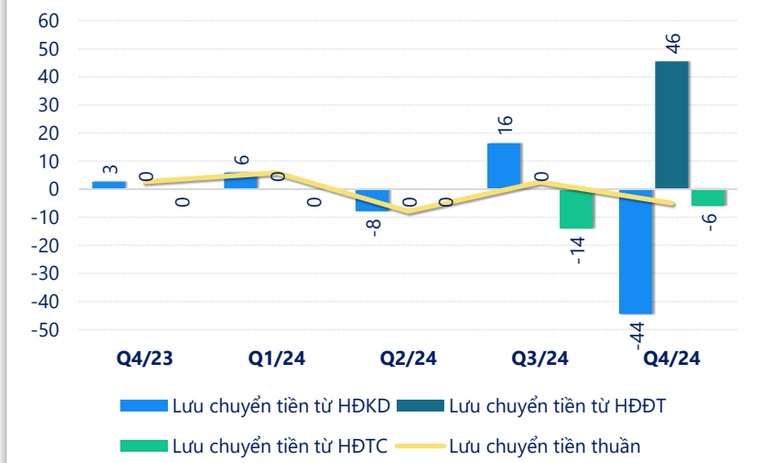
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (UPCOM: KVC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**556**	**562**	**-1.0%**
Tài sản ngắn hạn	362	324	11.6%
Tiền và tương đương tiền	0.53	4.96	-89.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	77.3	40.3	91.7%
Hàng tồn kho	283	278	1.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.70	0.78	-10.4%
Tài sản dài hạn	**195**	**238**	**-18.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	195	238	-18.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.04	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.20	-100%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0.02**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	89.2	98.2	-9.1%
Nợ ngắn hạn	**88.5**	**77.4**	**14.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.0	60.0	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.6	14.0	76.2%
Nợ dài hạn	0.76	20.8	-96.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	20.0	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**467**	**464**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**467**	**464**	**0.8%**
Vốn điều lệ	495	495	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	41.4	35.5	41.5	43.2	35.2
Giá vốn hàng bán	43.7	38.0	43.9	44.8	36.9
Lợi nhuận gộp	-2.33	-2.40	-2.41	-1.54	-1.72
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	-0.01	0.00
Chi phí TC	1.33	1.12	1.22	1.05	1.20
Chi phí lãi vay	1.33	0.12	1.22	1.05	1.20
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.16	0.18	0.16	0.86	0.59
Chi phí QLDN	1.48	1.27	1.29	1.26	1.15
LN thuần từ HĐKD	-5.29	-4.97	-5.08	-4.71	-4.65
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	-0.01	0.00	23.0
LN trước thuế	-5.29	-4.97	-5.10	-4.71	18.3
Lợi nhuận sau thuế	-5.29	-4.97	-5.10	-4.71	18.3
LNST của CĐ cty mẹ	-5.29	-4.97	-5.10	-4.71	18.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.63	5.84	-7.87	16.3	-44.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.19	45.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	0.00	0.00	-14.0	-6.00
Tiền đầu kỳ	2.34	4.96	10.8	2.92	5.45
Lưu chuyển tiền thuần	**2.63**	**5.84**	**-7.88**	**2.53**	**-4.93**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.96	10.8	2.92	5.45	0.53

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic